

bàn tỉnh Kon Tum⁽²⁾; (iii) Nghị quyết Quy định mức hỗ trợ, dự toán kinh phí từ nguồn kinh phí sự nghiệp ngân sách trung ương để thực hiện một số nội dung ngành thông tin và truyền thông thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Kon Tum⁽³⁾. Theo đó, tại Thông báo số 47/TB-TTHĐND ngày 30 tháng 9 năm 2022, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh cơ bản thống nhất hồ sơ đề nghị xây dựng 03 Nghị quyết nêu trên.

Tuy nhiên, để đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ, đầy đủ, dễ tiếp cận, dễ thực hiện, trên cơ sở kết luận của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh tại Thông báo số 47/TB-TTHĐND, Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Sở Thông tin và Truyền thông, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tư pháp rà soát các nội dung và mức chi quy định tại Thông tư số 53/2022/TT-BTC để tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng, trình Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua một dự thảo Nghị quyết quy định các nội dung, mức hỗ trợ theo Thông tư số 53/2022/TT-BTC mà Bộ trưởng Bộ Tài chính giao địa phương quy định chi tiết.

Từ những vấn đề nêu trên, việc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp các cơ quan, đơn vị liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, thông qua dự thảo Nghị quyết: “*Ban hành mức hỗ trợ từ nguồn kinh phí sự nghiệp ngân sách trung ương để thực hiện một số nội dung, công việc thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Kon Tum*” là cần thiết và phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 27 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015.

2. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

2.1. Phạm vi điều chỉnh

2.1.1. Điểm a, khoản 1 Điều 1 dự thảo dự kiến Nghị quyết quy định **mức hỗ trợ** từ nguồn kinh phí sự nghiệp ngân sách trung ương để thực hiện một số nội dung, công việc thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025 (*sau đây gọi tắt là Chương trình nông thôn mới*) trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

Cơ quan thẩm định nhận thấy, khoản 2 Điều 7; Điều 8; Điều 9; khoản 2, Điều 10; khoản 3 Điều 11; Điều 12; điểm a, khoản 2 Điều 20; điểm d, khoản 2 Điều 26; khoản 2 Điều 29; khoản 3 Điều 30; Điều 31; điểm b, khoản 2 Điều 32; điểm b, khoản 2 Điều 34; khoản 1 Điều 39; điểm c, khoản 2 Điều 40; khoản 4 Điều 42; khoản 7 Điều 45 Thông tư số 53/2022/TT-BTC giao Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quy định **mức hỗ trợ cụ thể** đối với nội dung đã được cơ quan có thẩm quyền ở trung ương quy định. Tuy nhiên, ngoài việc giao quy định mức hỗ trợ tại các quy định trên, khoản 2 Điều 14 Thông tư số 53/2022/TT-BTC còn

⁽²⁾ Tờ trình số 143/TTr-UBND ngày 16 tháng 9 năm 2022.

⁽³⁾ Tờ trình số 147/TTr-UBND ngày 23 tháng 9 năm 2022.

giao Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quy định mức hỗ trợ cụ thể và quyết định **nội dung** hỗ trợ đối với việc bảo tồn và phát huy các làng nghề truyền thống ở nông thôn (đối với các nhiệm vụ do địa phương thực hiện đảm bảo phù hợp với quy định hiện hành và trong phạm vi dự toán được cấp có thẩm quyền giao).

Như vậy, với việc phạm vi điều chỉnh của dự thảo chỉ dự kiến quy định **mức hỗ trợ** từ nguồn kinh phí sự nghiệp ngân sách trung ương để thực hiện một số nội dung, công việc thuộc Chương trình nông thôn mới trên địa bàn tỉnh là chưa đầy đủ so với quy định được văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên giao quy định chi tiết. Do đó, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo căn cứ các nội dung tại Thông tư số 53/2022/TT-BTC giao Hội đồng nhân dân tỉnh quy định để biên tập lại phạm vi điều chỉnh của dự thảo tại điểm a, khoản 1 Điều 1 đảm bảo đầy đủ, bao quát tất cả các quan hệ mà dự thảo dự kiến tác động đến. Trên cơ sở đó, chỉnh lý, bổ sung các nội dung khác có liên quan trong dự thảo⁽⁴⁾.

2.1.2. Theo quan điểm của cơ quan thẩm định, cơ quan chủ trì soạn thảo xem xét, biên tập lại điểm b, khoản 1 Điều 1 dự thảo theo hướng sau đây để đảm bảo tính chính xác với phạm vi điều chỉnh và nội dung của dự thảo: “*Các khoản tài trợ, viện trợ được thực hiện trên địa bàn tỉnh và thuộc ngân sách nhà nước mà nhà tài trợ hoặc đại diện có thẩm quyền của nhà tài trợ và Bộ Tài chính chưa có thỏa thuận về nội dung, mức chi thì áp dụng theo **nội dung, mức hỗ trợ cụ thể** quy định tại Nghị quyết này và nội dung, mức chi quy định tại Thông tư số 53/2022/TT-BTC...*”.

2.1.3. Điểm c, khoản 1 Điều 1 dự thảo quy định: “*Đối với các nội dung thuộc Chương trình thực hiện trên địa bàn tỉnh có lồng ghép nguồn vốn sự nghiệp từ nguồn ngân sách trung ương, ngân sách địa phương và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác được áp dụng quy định tại Nghị quyết này theo quy định tại Điều 10 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP (trừ trường hợp quy định tại điểm d khoản này). Các địa phương chủ động bố trí kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách địa phương để cùng với kinh phí ngân sách trung ương hỗ trợ thực hiện có hiệu quả các nội dung thành phần, nội dung của Chương trình trên địa bàn theo quy định tại Quyết định số 263/QĐ-TTg, Điều 7 và Điều 8 Mục 2 Quyết định số 07/2022/QĐ-TTg*”.

Sở Tư pháp nhận thấy, Thông tư số 53/2022/TT-BTC chỉ giao Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quy định một số nội dung, mức hỗ trợ cụ thể để thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021- 2025 mà không giao Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quy định toàn bộ nội dung, mức hỗ trợ cụ thể thực hiện Chương trình nông thôn mới trên địa bàn tỉnh. Vì vậy, đối với các nội dung thuộc Chương trình nông thôn mới nhưng nội dung, mức hỗ trợ cụ thể không được quy định trong dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh sẽ không thực hiện được.

⁽⁴⁾ Tên gọi (trích yếu) của dự thảo; tên của Điều 2 dự thảo; nội dung hỗ trợ dự kiến tại khoản 7 Điều 2...

Từ vấn đề nêu trên, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu, biên tập lại điểm c, khoản 1 Điều 1 dự thảo để thể hiện rõ việc áp dụng quy định tại Nghị quyết này chỉ được thực hiện đối với một số nội dung, mức hỗ trợ cụ thể thực hiện Chương trình nông thôn mới trên địa bàn tỉnh mà không phải là toàn bộ nội dung, mức hỗ trợ của Chương trình nông thôn mới. Ngoài ra, cơ quan chủ trì soạn thảo cần tham mưu quy định cụ thể “*Chương trình*” được dự kiến tại điểm c khoản 1 Điều 1 vì chỉ quy định chung “*Chương trình*” là chưa cụ thể (*thuộc 01 trong 03 Chương trình mục tiêu quốc gia? các Chương trình mục tiêu quốc gia? Chương trình khác?*).

2.2. Đối tượng áp dụng

Sở Tư pháp nhận thấy, đối tượng áp dụng của dự thảo Nghị quyết đã bao quát, đầy đủ, phù hợp với nội dung dự thảo Nghị quyết và quy định pháp luật.

3. Sự phù hợp của nội dung dự thảo Nghị quyết với đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước; tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất của dự thảo Nghị quyết với hệ thống pháp luật; sự phù hợp của nội dung dự thảo Nghị quyết với văn bản đã giao cho Hội đồng nhân dân tỉnh quy định chi tiết

Sở Tư pháp nhận thấy, về cơ bản, dự thảo Nghị quyết không đặt ra các quy định trái với đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước; đảm bảo tính hợp hiến, hợp pháp và cơ bản thống nhất với các văn bản đã được Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành. Tuy nhiên, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo xem xét lại một số nội dung sau:

3.1. Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo xem xét, chỉnh lý lại phạm vi điều chỉnh của dự thảo Nghị quyết với các lý do đã được cơ quan thẩm định trình bày tại khoản 2.1, Mục 2 của Báo cáo này.

3.2. Khoản 2 Điều 7; Điều 8; Điều 9; khoản 2, Điều 10; khoản 3 Điều 11; Điều 12; điểm a, khoản 2 Điều 20; điểm d, khoản 2 Điều 26; khoản 2 Điều 29; khoản 3 Điều 30; Điều 31; điểm b, khoản 2 Điều 32; điểm b, khoản 2 Điều 34; khoản 1 Điều 39; điểm c, khoản 2 Điều 40; khoản 4 Điều 42; khoản 7 Điều 45 Thông tư số 53/2022/TT-BTC chỉ giao Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quy định mức hỗ trợ cụ thể đối với nội dung đã được cơ quan có thẩm quyền ở trung ương quy định. Tuy nhiên, ngoài việc tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức hỗ trợ cụ thể, cơ quan chủ trì soạn thảo dự kiến tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh quy định **nội dung hỗ trợ**; quy định việc **chi mua sắm, sửa chữa; chi hỗ trợ phát triển; mức chi...** (*khoản 2, khoản 3, khoản 4, khoản 5; khoản 6; khoản 8...Điều 2 dự thảo*). Việc tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh quy định nội dung hỗ trợ, nội dung chi khi không được giao quy định là không phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 27 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015.

Sở Tư pháp cũng nhận thấy, với quy định mức hỗ trợ chung như dự thảo sẽ rất khó triển khai thực hiện trên thực tế. Vì vậy, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu, căn cứ nội dung hỗ trợ đã được cơ quan có thẩm quyền ở trung ương quy định để tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng, trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định mức hỗ trợ cụ thể cho từng nội dung.

Ví dụ: Mức hỗ trợ phát triển các mô hình xử lý nước thải sinh hoạt quy mô hộ gia đình, thôn được dự kiến tại khoản 2 Điều 2 dự thảo, cơ quan chủ trì soạn thảo căn cứ vào các nội dung được quy định tại Điều 8 Thông tư 05/2022/TT-BNNPTNT để tham mưu mức hỗ trợ cho từng nội dung cụ thể.

3.3. Tại gạch đầu dòng (-) thứ nhất, khoản 2 Điều 2 dự thảo dự kiến: “*Chi mua sắm, sửa chữa, thay thế thiết bị hư hỏng của đài truyền thanh xã: Hỗ trợ 95% tổng mức đầu tư hoặc dự toán được cấp thẩm quyền phê duyệt đối với xã thuộc xã đặc biệt khó khăn...*”. Qua rà soát, đối chiếu các văn bản quy phạm pháp luật có giá trị pháp lý cao hơn được cơ quan chủ trì soạn thảo sử dụng làm căn cứ ban hành văn bản, Sở Tư pháp chưa thấy quy định về “*xã thuộc xã đặc biệt khó khăn*”. Bên cạnh đó, việc quy định “*xã thuộc xã đặc biệt khó khăn*” cũng chưa phù hợp với quy định về đơn vị hành chính tại Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương. Vì vậy, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo giải trình, làm rõ đối với việc tham mưu quy định mức hỗ trợ đối với “*xã thuộc xã đặc biệt khó khăn*” trên địa bàn tỉnh. Trường hợp không có cơ sở pháp lý để tham mưu quy định về “*xã thuộc xã đặc biệt khó khăn*”, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát lại toàn bộ dự thảo để loại bỏ quy định này.

Liên quan đến việc quy định mức hỗ trợ nhằm tăng cường vật chất cho hệ thống thông tin và truyền thông cơ sở (*mua sắm, sửa chữa, thay thế thiết bị hư hỏng của đài truyền thanh xã, phương tiện sản xuất các sản phẩm thông tin, tuyên truyền...*) được quy định tại khoản 2 Điều 2 dự thảo, Sở Tư pháp nhận thấy hiện nay, Sở Thông tin và Truyền thông đang xây dựng Nghị quyết quy định mức hỗ trợ, mức chi cho tiêu dự án Giảm nghèo về thông tin thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025. Vì vậy, đề nghị Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phối hợp chặt chẽ với Sở Thông tin và Truyền thông để xây dựng mức hỗ trợ nhằm tăng cường vật chất cho hệ thống thông tin và truyền thông cơ sở thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới phù hợp với mức hỗ trợ cho tiêu dự án Giảm nghèo về thông tin thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025.

3.4. Gạch đầu dòng (-) thứ hai, khoản 2 Điều 2 dự thảo dự kiến mức hỗ trợ đối với mua sắm, sửa chữa, thay thế thiết bị hư hỏng của phương tiện sản xuất các sản phẩm thông tin, tuyên truyền cho cơ sở truyền thanh, truyền hình cấp huyện là 70% kinh phí thực hiện được phê duyệt đối với các **huyện, thành phố miền núi**, 50% kinh phí thực hiện mô hình được phê duyệt đối với các

huyện, thành phố còn lại trong phạm vi dự toán được cấp có thẩm quyền giao. Sở Tư pháp nhận thấy, ở thời điểm hiện tại, đơn vị hành chính cấp huyện của tỉnh Kon Tum bao gồm 01 thành phố thuộc tỉnh và 09 huyện. Như vậy, với việc cơ quan chủ trì soạn thảo quy định đồng thời thành phố miền núi và thành phố còn lại (*có nghĩa không phải thành phố miền núi*) là chưa phù hợp với tình hình thực tế của địa phương. Bên cạnh đó, đối với việc xác định huyện, thành phố miền núi và huyện, thành phố còn lại, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo căn cứ các quy định hiện hành của pháp luật để tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh quy định đảm bảo tính minh bạch, khả thi, thống nhất.

Tương tự, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát toàn bộ nội dung khác tại Điều 2 dự thảo quy định liên quan đến huyện, thành phố miền núi và huyện, thành phố còn lại để xem xét, chỉnh lý.

3.5. Khoản 1 Điều 3 dự thảo Nghị quyết quy định: “*Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành*⁽⁵⁾”. Theo quy định tại khoản 2 Điều 151 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (*đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 48 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật*), văn bản quy phạm pháp luật được ban hành theo trình tự, thủ tục rút gọn thì có thể có hiệu lực kể từ ngày thông qua hoặc ký ban hành. Dự thảo Nghị quyết đã được Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định việc xây dựng, ban hành theo trình tự, thủ tục rút gọn. Vì vậy, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo căn cứ quy định nêu trên và quy định tại khoản 1 Điều 38, Điều 74 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP để tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh quy định thời điểm có hiệu lực của văn bản cho phù hợp, đúng quy định⁽⁶⁾.

3.6. Đối với các mức hỗ trợ cụ thể được dự kiến tại Điều 2 dự thảo Nghị quyết, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo căn cứ quy định của Luật Ngân sách Nhà nước năm 2015, Thông tư số 53/2022/TT-BTC, các văn bản pháp luật có liên quan và đặc điểm tình hình thực tiễn của địa phương chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị, địa phương⁽⁷⁾ tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định (*Sở Tư pháp không thẩm định đối với mức hỗ trợ cụ thể*).

4. Ngôn ngữ, kỹ thuật soạn thảo văn bản

Cơ quan thẩm định nhận thấy, về cơ bản, dự thảo Nghị quyết đã được trình bày đúng quy định về thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản quy phạm pháp luật quy định tại Chương V Nghị định số 34/2016/NĐ-CP (*đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của*

⁽⁵⁾ Theo quy định tại khoản 5 Điều 85, khoản 1 Điều 86 Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015 thì Hội đồng nhân dân biểu quyết **thông qua** dự thảo nghị quyết, đề án, báo cáo... và Nghị quyết của Hội đồng nhân dân do Chủ tịch Hội đồng nhân dân hoặc chủ tọa kỳ họp **ký chứng thực**.

⁽⁶⁾ Theo quan điểm của Sở Tư pháp, khoản 1 Điều 3 dự thảo Nghị quyết có thể được biên tập lại theo hướng sau: “*Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ... tháng ... năm ...*”.

⁽⁷⁾ Trong đó có Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Sở Thông tin và Truyền thông.

Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP) và Mẫu số 16. Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh (Quy định trực tiếp) của Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 154/2020/NĐ-CP. Tuy nhiên, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo xem xét lại một số nội dung sau đây:

4.1. Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo trình bày tên của Điều, tên của khoản theo đúng quy định tại điểm c, điểm d, khoản 5 Điều 62 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP (*đã được sửa đổi, bổ sung tại điểm i, khoản 1 Điều 2 Nghị định số 154/2020/NĐ-CP*)⁽⁸⁾.

4.2. Về kỹ thuật viển dẫn văn bản, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 75 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP (*đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 16 Điều 1 Nghị định số 154/2020/NĐ-CP*) để trình bày đúng⁽⁹⁾.

4.3. Tại khoản 2, khoản 10, khoản 11, khoản 12 Điều 2 dự thảo, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo căn cứ nội dung của văn bản để trình bày bố cục của văn bản đảm bảo theo đúng quy định tại khoản 1 Điều 62 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP⁽¹⁰⁾.

5. Trình tự, thủ tục xây dựng văn bản

Dự thảo Nghị quyết được Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định xây dựng, ban hành theo trình tự, thủ tục rút gọn. Vì vậy, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo căn cứ các quy định về xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật theo trình tự, thủ tục rút gọn để tham mưu thực hiện đúng.

6. Điều kiện trình Ủy ban nhân dân tỉnh

Sở Tư pháp nhận thấy, dự thảo Nghị quyết **chỉ đủ điều kiện trình Ủy ban nhân dân tỉnh** xem xét, trình Hội đồng nhân dân tỉnh sau khi cơ quan chủ trì soạn thảo điều chỉnh lại một số nội dung và thực hiện các đề nghị khác được cơ quan thẩm định nêu trong Báo cáo này. Hồ sơ dự thảo Nghị quyết trình Ủy ban nhân dân tỉnh đề nghị thực hiện theo quy định tại Điều 122 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (*đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 37 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật*).

Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo khi tiếp nhận Báo cáo thẩm định thực hiện việc tiếp thu ý kiến thẩm định để chỉnh lý, hoàn thiện dự thảo Nghị quyết hoặc giải trình (*trong trường hợp không tiếp thu ý kiến thẩm định*). Khi trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, đồng thời gửi Báo cáo giải trình, tiếp thu kèm theo dự thảo Nghị quyết đã được chỉnh lý đến Sở Tư pháp để theo dõi theo quy định

⁽⁸⁾ Từ Điều, số thứ tự và tên của điều được trình bày bằng chữ in thường, kiểu chữ đứng, đậm; nếu khoản có tên, số thứ tự và tên của khoản được trình bày bằng chữ in thường, kiểu chữ đứng.

⁽⁹⁾ Khi viển dẫn lần đầu văn bản có liên quan, phải ghi đầy đủ tên loại văn bản, số, ký hiệu văn bản; ngày, tháng, năm thông qua hoặc ký ban hành văn bản; tên cơ quan, người có thẩm quyền ban hành văn bản và tên gọi văn bản. Trong lần viển dẫn tiếp theo, đối với luật, pháp lệnh, ghi đầy đủ tên loại văn bản, tên gọi của văn bản; đối với các văn bản khác, ghi tên loại, số, ký hiệu của văn bản đó.

⁽¹⁰⁾ Dự thảo được bố cục là điều, khoản, điểm.

tại Điều 121 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 36 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật).

Trên đây là Báo cáo thẩm định (Lần 2) của Sở Tư pháp đối với dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh: “Ban hành mức hỗ trợ từ nguồn kinh phí sự nghiệp ngân sách trung ương để thực hiện một số nội dung, công việc thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Kon Tum”. Kính gửi Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn theo đề nghị./.

Nơi nhận:

- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- Lãnh đạo Sở;
- Văn phòng Sở;
- Lưu: VT, XDKTr&PBPL/STP.

TL. GIÁM ĐỐC
TRƯỞNG PHÒNG XDKTr&PBPL

Vũ Quốc Thịnh